Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3811.21.90

Mã HS	3811.21.90
Mô tả hàng hóa	Chế phẩm chống kích nổ, chất ức chế quá trình oxy hóa, chất chống dính, chất làm tăng độ nhớt, chế phẩm chống ăn mòn và các chất phụ gia đã điều chế khác, dùng cho dầu khoáng (kể cả xăng) hoặc cho các loại chất lỏng dùng như dầu khoáng / - Các phụ gia cho dầu bôi trơn: / - - Có chứa các loại dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc dầu thu được từ khoáng bi-tum: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 04:08:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38112190/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5446
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5446
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5446
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5301
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5262
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5262
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5262
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5262
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5262
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5262
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5306
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5306
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5306
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5306

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5306
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5306
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5304
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5304
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5304
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5304
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5304
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5304
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5306
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5268
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5264
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5264
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5264
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5264
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5264
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5264
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5273
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5273
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5273
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5273
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5273
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5273
VCFTA	2022	2022	1	VC!D5314
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5314
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5314
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5314

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5314
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5314
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5315
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5315
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5315
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5315
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5315
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5315
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5318
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5318
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5318
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5318
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5318
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5318
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5287
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5287
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5287
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5287
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5287
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5287
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5289
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5289
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5289
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5289
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5289
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5289

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5287
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5287
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5287
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5287
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5287
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5287
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5287
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5308
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5308
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5308
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5308
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5308
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5308
RCEP B	2022	2022	0	B!D5308
RCEP B	2023	2023	0	B!E5308
RCEP B	2024	2024	0	B!F5308
RCEP B	2025	2025	0	B!G5308
RCEP B	2026	2026	0	B!H5308
RCEP B	2027	2027	0	B!I5308
RCEP C	2022	2022	0	C!D5308
RCEP C	2023	2023	0	C!E5308
RCEP C	2024	2024	0	C!F5308
RCEP C	2025	2025	0	C!G5308
RCEP C	2026	2026	0	C!H5308
RCEP C	2027	2027	0	C!I5308
RCEP D	2022	2022	0	D!D5308

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5308
RCEP D	2024	2024	0	D!F5308
RCEP D	2025	2025	0	D!G5308
RCEP D	2026	2026	0	D!H5308
RCEP D	2027	2027	0	D!I5308
RCEP E	2022	2022	0	E!D5311
RCEP E	2023	2023	0	E!E5311
RCEP E	2024	2024	0	E!F5311
RCEP E	2025	2025	0	E!G5311
RCEP E	2026	2026	0	E!H5311
RCEP E	2027	2027	0	E!I5311
RCEP F	2022	2022	0	F!D5308
RCEP F	2023	2023	0	F!E5308
RCEP F	2024	2024	0	F!F5308
RCEP F	2025	2025	0	F!G5308
RCEP F	2026	2026	0	F!H5308
RCEP F	2027	2027	0	F!I5308
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4890
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4890
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4890
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4890

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3811.21 có 2 dòng thuế; dòng 3811.21.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	3811.21.10 Đã đóng gói để bán lẻ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3811.21.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3811.21.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5446), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.